

KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ I



Dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT
đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P),
Km297+150 Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P),
Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P),
Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P),
Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P),
Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T),
Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P),
Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T),
Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P),
Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT tại Km302+820 và
Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn
Km285+400 – Km326+500, Quốc lộ 1

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC

KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(Hoàn thiện theo QĐ số 767/QĐ-KQLĐBI ngày 29/8/2025 của Khu QLĐB I)

HÀ NỘI, NĂM 2025

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NHIỆM VỤ KHẢO SÁT LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

Dự án : Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150 Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 – Km326+500, Quốc lộ 1

Địa điểm : Đoạn tuyến Km285+400 - Km348+600/QL.1, tỉnh Thanh Hóa.

Bước thiết kế : Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật.

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT, QUY MÔ VÀ CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

1. Giới thiệu khái quát:

- Quốc lộ 1, còn được biết đến với các tên gọi khác như Quốc lộ 1A, đường 1, đường cái quan, đường thiên lý hay đường xuyên Việt là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam. Quốc lộ bắt đầu (Km 0) tại cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại xã Đồng Đăng tỉnh Lạng Sơn, và kết thúc tại xã Đất Mới tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam, nó đi qua trung tâm của một nửa số tỉnh thành Việt Nam, nối liền 4 thành phố lớn: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

- Trong những năm gần đây tuyến đường thường xuyên được sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên hàng năm theo quy định. Tuy nhiên qua thời gian khai thác và sử dụng, hiện nay lưu lượng giao thông trên QL.1 rất lớn do đó nhiều đoạn đã xuất hiện hư hỏng, xuống cấp gây ảnh hưởng mất an toàn giao thông.

- Từ những thực trạng trên, việc đầu tư duy tu, sửa chữa hoàn thiện Quốc lộ 1 có vai trò rất quan trọng để nâng cao chất lượng khai thác tuyến đường, góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, Cục đường bộ Việt Nam đã cho phép chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150 Km297+350(T+P), Km309+650-

Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 – Km326+500, Quốc lộ 1.

2. Quy mô công trình

- Vị trí hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT: Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường; bù vênh, thảm tăng cường BTN mặt đường;

- Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 – Km326+500 theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; Sơn lại vạch sơn phân làn;

- Điểm mất ATGT Km302+820: Bổ sung đèn tín hiệu điều khiển GT, điện chiếu sáng dạng chùm; Sửa chữa cục bộ mặt đường bằng BTNC19; Dịch chuyển, đóng mở giải phân cách giữa; Sơn gờ giảm tốc, vạch kẻ đường tại khu vực nút giao; Sửa chữa hư hỏng cục bộ Rãnh thoát nước dọc.

- Nút giao tiềm ẩn nguy cơ gây mất ATGT tại Km293+970: Bổ sung đèn tín hiệu điều khiển GT; Sơn gờ giảm tốc, vạch kẻ đường tại khu vực nút giao.

3. Các căn cứ pháp lý

- Căn cứ các Luật của Quốc Hội: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/5/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; Số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; Số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và

đo bóc khối lượng công trình; Số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023; Số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/ 2021;

- Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-BGTVT ngày 07/3/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu Quản lý đường bộ I trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam;

- Căn cứ Văn bản số 7955/BXD-KCHT ngày 07/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận danh mục chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

- Căn cứ Văn bản số 1349/KQLĐBI-KHTC ngày 20/8/2025 của Khu Quản lý đường bộ I về việc triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các công trình thuộc kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026;

- Căn cứ các quy trình, quy phạm của Bộ giao thông và của Nhà nước hiện hành.

II. TIÊU CHUẨN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ ÁP DỤNG:

TT	Tiêu quy chuẩn, Tiêu chuẩn	Ký hiệu
1	Quy trình khảo sát đường ô tô	TCCS 31:2020/TCĐBVN
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398 - 2012
3	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182:2024
4	Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4054-05
5	Quy trình thiết kế áo đường mềm	TCCS38:2022/TCĐBVN
6	Kết cấu BT và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
7	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572:2018
8	Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công nghiệm thu và nghiệm thu	TCVN 13567-1: 2022
9	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
10	Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
11	Tiêu chuẩn Quốc gia về Sơn tín hiệu giao thông	TCVN 8791:2011

TT	Tiêu quy chuẩn, Tiêu chuẩn	Ký hiệu
	- Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm	
12	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN: 41 - 2024/BGTVT
13	Tiêu chuẩn Quốc gia về Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ	TCVN 12584:2019
14	Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
15	Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp quy hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình	

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Chủ đầu tư

Khu Quản lý đường bộ I.

Địa chỉ: Số 4 Thành Công – Giảng Võ - Hà Nội.

Điện thoại: 0243 8352493 - Fax: 0243 8351798

IV. NHIỆM VỤ KHẢO SÁT:

1. Mục đích khảo sát:

- Khảo sát, đo đạc, thu thập số liệu, hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150 Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mặt ATGT tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 – Km326+500, Quốc lộ 1.

- Điều tra, thu thập các hồ sơ tài liệu phục vụ công tác thiết kế.

- Đo đạc các thông số về kích thước hình học, thông số kỹ thuật của công trình phục vụ công tác thiết kế.

- Cung cấp bình đồ hiện trạng khu vực, cấu tạo chi tiết các hạng mục, thu thập các thông tin có liên quan đến việc xây dựng công trình, đảm bảo độ chính xác theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

2. Phạm vi khảo sát:

- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150 Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P) Quốc lộ 1.

- Vị trí xử điểm mất ATGT tại: Km302+820 và Km293+970 Quốc lộ 1.

- Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT: Km285+400 – Km326+500, Quốc lộ 1.

3. Phương pháp khảo sát:

- Trước khi khảo sát ta cần thị sát công trình, làm việc với đơn vị quản lý, địa phương. Đánh giá khái quát chung về công trình, đưa ra những yêu cầu và phương hướng chính cho công việc khảo sát.

- Khảo sát đánh giá hiện trạng các đoạn sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150 Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 – Km326+500, Quốc lộ 1.

- Thu thập số liệu, hồ sơ hoàn công công trình của đơn vị quản lý tuyến đường.

- Thu thập số liệu qua chính quyền địa phương và cơ quan liên quan.

- Quay phim, chụp ảnh toàn bộ hiện trường;

V. NHIỆM VỤ KHẢO SÁT CHI TIẾT:

1. Công tác chuẩn bị:

- Chuẩn bị trong phòng: Nghiên cứu kỹ nhiệm vụ được giao, thu thập các tài liệu, thông tin liên quan; sơ bộ xác định các điểm khống chế theo nhiệm vụ được giao và dự án liên quan.

- Thị sát thực địa: Đối chiếu số liệu với thực địa, bổ sung các vấn đề liên quan trong quá trình đi thực địa; chuẩn bị các loại vật liệu, thiết bị, phương tiện, máy khảo sát; làm việc với các cơ quan và chính quyền địa phương.

2. Điều tra, thu thập số liệu và làm việc với các ngành, địa phương:

Việc điều tra thu thập số liệu khu vực dự án nhằm tận dụng tất cả các số liệu về hiện trường sẵn có nhằm giảm bớt khối lượng khảo sát của dự án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác của số liệu đầu vào. Các số liệu thu thập bao gồm:

- Các số liệu về giá cả, chi phí nhân công, vật liệu, máy móc... của địa phương;
- Các số liệu về các công trình xây dựng trực tiếp hoặc gián tiếp có ảnh hưởng đến dự án;
- Các số liệu về các công trình ngầm, cáp quang trong phạm vi xây dựng của dự án;
- Công tác thị sát hiện trường, thu thập số liệu, làm việc với đơn vị quản lý đường và chính quyền địa phương nhằm mục đích đánh giá sơ bộ tình trạng của tuyến đường từ đó xác định vị trí, chiều dài, phương án sơ bộ sửa chữa.

⇒ *Khối lượng dự kiến:*

- + *Thị sát hiện trường: 02 công.*
- + *Thu thập số liệu, làm việc với đơn vị quản lý đường và chính quyền địa phương: 02 công.*

3. Nội dung khảo sát hiện trường:

4.1. Khảo sát địa hình:

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực địa, thu thập số liệu về hệ thống rãnh thoát nước, vị trí mặt đường hư hỏng trên tuyến đường dự án, kết hợp với kinh nghiệm, Chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế đường, chủ trì khảo sát sẽ xác định chính xác phạm vi rãnh hư hỏng và mặt đường hư hỏng đưa vào nghiên cứu xử lý. Phạm vi khảo sát địa hình sẽ được Chủ nhiệm thiết kế quyết định tại hiện trường.

4.1.1. Lập mốc cao độ, thủy chuẩn kỹ thuật

- Lựa chọn các mốc khống chế độ cao làm cơ sở cho công tác khảo sát địa hình, theo dõi trong quá trình thi công cũng như kiểm tra sau này. Sử dụng hệ độ cao giả định cho đoạn tuyến cần đo vẽ.

- Các mốc được bố trí dọc theo hướng tuyến, nằm ngoài phạm vi thi công. Khoảng cách giữa các mốc khoảng 500m-1000m. Vị trí mốc được thể hiện trên bình đồ tuyến.

- Đo thủy chuẩn kỹ thuật: Sai số khép cho phép đo tổng quát $f_{cp} \leq \pm 30\sqrt{L}$, đo chi tiết $f_{cp} \leq \pm 50\sqrt{L}$ (f_{cp} tính bằng mm, L tính bằng Km); khép mốc gồm đo đi và đo về.

⇒ *Lập mốc cao độ giả định, đường chuyên cấp 2:*

⇒ *Đo thủy chuẩn kỹ thuật, ĐH cấp III: 12,22 km.*

4.1.2. Đo vẽ bình đồ

Tỷ lệ đo vẽ: 1/1000. Phạm vi đo vẽ tính từ tim tuyến sang mỗi bên là 15,0m-20m. Trong trường hợp điểm đầu hoặc điểm cuối phạm vi khảo sát nằm trong đường cong bằng thì khảo sát hết phạm vi đường cong.

Định tuyến, đóng các cọc chi tiết và cọc đỉnh theo tim đường hiện hữu.

Hướng tuyến bám theo tim tuyến hiện hữu.

Yêu cầu: Trên bình đồ cần thể hiện và ghi chú rõ phạm vi bề rộng mặt đường, nhà cửa, công trình công và rãnh thoát nước (loại rãnh, khẩu độ, hướng thoát nước, cao độ đáy rãnh, cao độ đáy cống), ...

=> Khối lượng dự kiến đo vẽ bình đồ địa hình cấp III: $S=29,63$ ha

4.1.3. Đo vẽ cắt dọc

Dùng máy thủy bình và mia 3 mét để đo chi tiết cao độ các điểm tim tuyến.

Cắt dọc tuyến chính được đo vẽ với tỷ lệ 1/1000 - 1/100. Trên trắc dọc cần thể hiện đầy đủ các điểm thay đổi cao độ; rải cọc chi tiết với khoảng cách tối đa không quá 20m/cọc trên đường thẳng, không quá 15m/cọc trên đường cong nằm chưa kể các cọc địa hình, địa vật, cọc cống, cọc không chế.

Đo dài: Kết hợp đo tổng quát và đo chi tiết 1 lần để xác định cọc Km, cọc H và khoảng cách giữa các cọc chi tiết. Sai số tương đối $f/L < 1/1000$; trong đó: f: sai số cho phép tính bằng mét; L: chiều dài đo đạc, tính bằng mét.

Các đỉnh của tuyến phải được thiết lập từ các mốc tọa độ. Hệ đường sườn các đỉnh tuyến này phải được đo đạc, bình sai từ hệ mốc đã thiết lập. Hai cạnh góc là 2 cạnh của lưới không chế. Các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định trong Bảng B.5 của Quy trình khảo sát đường ô tô TCCS 31:2020/TCĐBVN như sau:

- Sai số khép tương đối: 1/2000;
- Sai số khép góc cho phép: $f(\text{hcp}) = 45''\sqrt{n}$ (n: số đo góc).

Đo cao các điểm trên tim tuyến: Dùng máy thủy bình Ni-030 hoặc các máy có độ chính xác tương đương và mia 3 m để đo cao các cọc tim tuyến và 2 điểm mép mặt đường hiện tại trên mặt cắt ngang. Khi tim tuyến không trùng tim đường cũ thì đo cao thêm 1 điểm tại tim đường hiện tại.

Đo nối vào mốc độ cao (được đặt trùng mốc tọa độ) với sai số cho phép $f_h \leq \pm 50 \sqrt{L}$ (mm) (L: chiều dài đường đo Km). Dùng cao độ của mốc để tính toán cao độ các điểm chi tiết. Bình sai theo phương pháp gần đúng, chia đều sai số khép cho số trạm đo sau đó mới dùng để tính cao độ các điểm chi tiết.

=> Khối lượng dự kiến khối lượng chiều dài đo vẽ cắt dọc: $L=12.190$ m

4.1.4. Đo vẽ cắt ngang

- Đo cắt ngang tất cả các cọc tim tuyến. Dùng máy toàn đạc điện tử sử dụng chương trình đo gián tiếp để đo mặt cắt ngang tim tuyến (hoặc dùng máy thủy bình kết hợp thước thép). Hướng đo cắt ngang phải vuông góc với tim tuyến trên đường thẳng và hướng vào tâm với các đoạn trong đường cong.

- Cắt ngang tuyến chính được đo vẽ với tỷ lệ 1/200.
- Phạm vi đo cắt ngang: Đo từ tim tuyến sang mỗi bên là 8,5-10,5m.
- Theo chiều dọc tuyến: Trên đường thẳng khoảng cách không quá 20m/01cắt ngang, cộng thêm các cọc đường cong, cọc đặc biệt:

=> Khối lượng dự kiến đo vẽ mặt cắt ngang: 12.337m

4.2. Khảo sát hệ thống an toàn giao thông, thoát nước,... trên tuyến

4.2.1. Khảo sát hệ thống an toàn giao thông

- Khảo sát chi tiết vị trí, phân loại hư hỏng của: Hệ thống phòng hộ, hộ lan mềm, cọc tiêu trên đoạn tuyến.... Đối với vị trí, loại kết cấu hư hỏng phải đo vẽ chi tiết để đưa ra giải pháp sửa chữa, thay thế.

- Hệ thống biển báo: Số lượng, loại, vị trí. Đánh giá biển báo đã phù hợp theo quy chuẩn chưa? Giải pháp thay thế.... Trường hợp biển báo hư hỏng hoặc chưa phù hợp với QCVN 41:2024/BGTVT cần cụ thể từng vị trí, loại hư hỏng như: Hình vẽ không đúng; mặt biển/ cột hỏng/ chưa phù hợp QCVN,....

- Thống kê và đánh giá hệ thống vạch sơn trên tuyến.

- Đo vẽ, thống kê cụ thể toàn bộ hệ thống ATGT trên tuyến về chủng loại, số lượng, vị trí nhằm đưa ra giải pháp thiết kế nâng hệ thống ATGT, công trình trên tuyến phù hợp với cao độ tuyến sau khi sửa chữa để đảm bảo an toàn giao thông và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và quy định của ngành hiện hành.

- Hệ thống đường ngang: Xác định chiều rộng đường ngang (B, b); loại kết cấu đường ngang và hệ thống ATGT trên đường ngang (Biển báo, vạch dừng cảnh báo, nhắc nhở khi giao nhau với đường ưu tiên).

=> *Khối lượng dự kiến: 26 công.*

4.3. Khảo sát hư hỏng nền, mặt đường:

- Điều tra, thị sát địa chất nền đường dọc tuyến bằng phương pháp chuyên gia, đánh dấu vị trí hư hỏng bằng sơn trên mặt đường. Ghi chú loại kết cấu mặt (BTN, BTXM, đã được sửa chữa bằng ĐDLN,...), loại kết cấu lè (lè đất, cấp phối, BTXM, lè gia cố khác do người dân tự thi công để phục vụ gia đình,....).

- Phân tích tình trạng hư hỏng cục bộ, tìm hiểu nguyên nhân và đề ra biện pháp sửa chữa. Đặc biệt lưu ý các khu vực có địa chất xấu.

- Đánh giá các vị trí hư hỏng mặt đường theo TCVN 14182:2024. Đánh giá điều kiện thoát nước của mặt đường, lè đường. Tiến hành phân đoạn, điều tra kỹ từng đoạn trên cơ sở sự khác biệt về các điều kiện sau:

+ Loại đất nền trong phạm vi khu vực tác dụng và cấu tạo các lớp kết cấu áo đường cũ (về vật liệu và bề dày lớp);

+ Loại hình tác động của các nguồn ẩm (chiều cao nền đắp, mực nước ngập và thời gian ngập).

+ Thu thập số liệu về quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa kết cấu mặt đường của từng đoạn qua các thời kỳ. Các hư hỏng chủ yếu và nguyên nhân, giải pháp sửa chữa đã áp dụng và hiệu quả. Tình trạng ổn định sau ngập lụt (nếu có).

- Lập bình đồ hư hỏng cục bộ mặt đường: Trên cơ sở Bình đồ địa hình và Bình đồ địa hình duỗi thẳng của tuyến, thể hiện từng vị trí mặt đường bị hư hỏng gồm:

+ Lý trình điểm đầu, điểm cuối;

+ Vị trí so với tim hoặc mép đường;

+ Kích thước dài x rộng;

+ Mức độ hư hỏng.

- Khối lượng dự kiến:

=> *Khối lượng dự kiến: 50 công.*

- Khoan kiểm tra chiều dày của lớp kết cấu mặt đường (xác định mặt đường 1 lớp hay 2 lớp và chiều dày mỗi lớp) để đề ra giải pháp thiết kế phù hợp.

=> *Khối lượng dự kiến: 4,8m.*

- Đào kiểm tra kết cấu nền, móng, mặt đường cũ: Đào kiểm tra nền mặt đường tại những vị trí bị hư hỏng kết cấu nền, móng sinh lún để đánh giá tình trạng hư hỏng, tìm hiểu nguyên nhân và đề ra biện pháp sửa chữa. Đào 1 vị trí/ 1Km, kích thước hố đào 0,5m x 0,5m x 1m.

=> *Khối lượng dự kiến: 3m³ (12 vị trí).*

4.4. Khảo sát nguồn cung cấp vật liệu

Để có cơ sở cho việc lựa chọn các loại vật liệu thi công kết cấu mặt đường (cấp phối đá dăm, bê tông nhựa, ...) và thi công các hạng mục khác của công trình cũng như xác định đơn giá lập Dự toán công trình, tiến hành khảo sát mỏ vật liệu:

- Đối với các mỏ đang khai thác yêu cầu thu thập số liệu về trữ lượng, chất lượng mỏ thông qua các chứng chỉ thí nghiệm vật liệu thành phẩm tại mỏ;

- Đối với các mỏ chưa khai thác cần khảo sát phạm vi mỏ sẽ được sử dụng khai thác, khảo sát đường vào mỏ, khảo sát trữ lượng, chất lượng, cụ thể như sau: Nội dung khảo sát mỏ vật liệu xây dựng theo các nội dung sau: sơ họa vị trí mỏ, đánh giá trữ lượng, chất lượng theo các tiêu chuẩn hiện hành, điều kiện khai thác, cự ly vận chuyển đến công trình, loại đường vận chuyển (chiều rộng nền / mặt đường, vật liệu lớp mặt đường) vv...

- Sau khi khảo sát, điều tra các mỏ vật liệu xây dựng tiến hành làm việc với địa phương (Sở Tài nguyên môi trường) hoặc cơ quan quản lý mỏ, lập văn bản thoả thuận và lập Bình đồ sơ họa vị trí mỏ;

- Ngoài ra cần tiến hành điều tra khảo sát các loại mỏ vật liệu xây dựng phục vụ thi công mặt đường như cấp phối đồi, cấp phối đá dăm nhằm tận dụng tối đa vật liệu có sẵn của địa phương.

=> *Khối lượng dự kiến: Khảo sát mỏ vật liệu cát, đá, bê tông nhựa: 02 công*

4.5. Khảo sát bãi đổ thải, tập kết vật liệu thừa

Đất đá sau khi được đào chủ yếu được bỏ đi do không đảm bảo yêu cầu vật liệu đắp tận dụng. Khối lượng đất đá đổ đi cần được đưa vào những vị trí không gây nguy hại cho môi trường, không ảnh hưởng đến sản xuất của người dân.

Các vị trí bãi đổ thải, tập kết vật liệu thừa sẽ được Tư vấn xác định ngoài hiện trường trên cơ sở tham vấn ý kiến của lãnh đạo địa phương và người dân là chủ đất. Tư vấn sẽ chuẩn bị các biên bản tham vấn, thoả thuận với các bên liên quan về vị trí bãi đổ thải, tập kết vật liệu thừa. Tư vấn sẽ sơ họa vị trí và cự ly vận chuyển.

=> Khối lượng thực hiện: Điều tra bãi thải vật liệu: 02 công

4.6. Quay phim, chụp ảnh tuyến, các hư hỏng của nền, mặt đường và hệ thống an toàn giao thông:

Quay phim toàn bộ các đoạn tuyến sửa chữa, chụp ảnh các vị trí mặt đường, hệ thống an toàn giao thông hư hỏng, hệ thống thoát nước cần sửa chữa ...

4.7. Công tác an toàn lao động, đảm bảo môi trường

Công tác khảo sát tuyến được thực hiện trong điều kiện địa hình tuyến đường hiện trạng có phương tiện xe cơ giới lưu thông hàng ngày sẽ tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn lao động cho công nhân và kỹ sư khảo sát hiện trường. Do vậy, Tư vấn sẽ có nhiều biện pháp nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản trong quá trình khảo sát. Cụ thể là sẽ thực hiện một số biện pháp sau đây:

- Các công nhân khảo sát trên hiện trường đều mặc đồng phục có gắn phản quang để dễ nhận biết;

- Trong quá trình khảo sát trên đường hiện trạng phải có phương án đảm bảo giao thông, phân làn, thông báo cho người tham gia giao thông và chính quyền địa phương được biết. Khi cần sẽ đề nghị có sự hỗ trợ giúp đỡ của lực lượng cảnh sát giao thông địa phương;

- Công nhân khảo sát phải đội mũ bảo hộ và đi giày.

Trong quá trình khảo sát Tư vấn luôn có ý thức bảo vệ môi trường và hợp tác với chính quyền và người dân địa phương. Không phá hoại ruộng lúa, hoa màu của dân. Khi cần khảo sát trong khu vực đất của các hộ dân Tư vấn sẽ làm việc trước để đạt được sự đồng thuận nhất trí của người dân cho phép khảo sát.

4.8. Thay đổi và xác nhận khối lượng thực hiện:

- Các khối lượng ghi trong nhiệm vụ khảo sát thiết kế này căn cứ vào các quy trình khảo sát và các thông tin ban đầu để xác định dự kiến, trong quá trình thực hiện tùy theo thực tế, có thể thay đổi (tăng thêm hoặc giảm đi).

- Các phát sinh khối lượng được báo cáo Chủ đầu tư và chỉ thực hiện sau khi có quyết định của Chủ đầu tư.

5. Thời gian thực hiện: Công tác khảo sát hiện trường được tiến hành ngay sau khi phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư phê duyệt.

6. Hồ sơ khảo sát giao nộp:

- Thuyết minh báo cáo khảo sát địa hình + Bản vẽ + Phụ lục.

- Các tài liệu khác:

- + Sổ sách đo đạc, nhật ký khảo sát;

- + Tài liệu điều tra, các số liệu tính toán và bản vẽ thu thập hiện trường;

- + Văn bản thoả thuận làm việc với địa phương và các cơ quan quản lý, video, ảnh ...

V. NHIỆM VỤ LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT:

1. Quy mô, giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

Trên cơ sở số liệu khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật theo các quy định của pháp luật về xây dựng và phù hợp với mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng như sau:

- Vị trí hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT: Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường; bù vênh, thăm tăng cường BTN mặt đường;

- Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 – Km326+500 theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; Sơn lại vạch sơn phân làn;

- Điểm mắt ATGT Km302+820: Bổ sung đèn tín hiệu điều khiển GT, điện chiếu sáng dạng chùm; Sửa chữa cục bộ mặt đường bằng BTNC19; Dịch chuyển, đóng mở giải phân cách giữa; Sơn gờ giảm tốc, vạch kẻ đường tại khu vực nút giao; Sửa chữa hư hỏng cục bộ Rãnh thoát nước dọc.

- Nút giao tiềm ẩn nguy cơ gây mất ATGT tại Km293+970: Bổ sung đèn tín hiệu điều khiển GT; Sơn gờ giảm tốc, vạch kẻ đường tại khu vực nút giao.

2. Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

- Hồ sơ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật được in ấn rõ ràng, dễ đọc, không tẩy xóa và được đóng thành từng tập có danh mục, đánh số, ký hiệu để dễ tra cứu và lưu trữ, bìa ngoài bọc giấy bóng kính, bìa trong giấy màu và được cơ cấu như sau:

+ Tập thuyết minh (bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản tính (nếu có), các văn bản liên quan, khối lượng chi tiết và tổng hợp...) thực hiện trên khổ giấy A4. Trong trường hợp khối lượng tập thuyết minh không nhiều, cho phép đóng chung với tập bản vẽ nhưng phải chuyển về khổ giấy A3;

+ Tập bản vẽ: Thực hiện trên khổ giấy A3, trường hợp bản vẽ có khổ giấy lớn hơn thì gập về khổ giấy A3. Nếu tập bản vẽ quá dày, nhà thầu vẫn cần thống nhất với Chủ đầu tư để phân thành các tập nhỏ;

+ Tập tổng dự toán xây dựng công trình: Thực hiện trên khổ giấy A4;

- Bản vẽ thiết kế thi công phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật và dấu của nhà thầu thiết kế.

3. Các tài liệu hồ sơ lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật giao nộp.

- Thuyết minh dự án và bản vẽ thiết kế, các văn bản pháp lý.

- Hồ sơ dự toán xây dựng công trình (đính kèm thông báo giá và các thông tin hướng dẫn có liên quan).

- Nộp hồ sơ in ấn hoặc đĩa USB chứa toàn bộ dữ liệu liên quan.

VI. CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO KTKT: Có dự toán chi tiết kèm theo.

Trên đây là toàn bộ nội dung dự kiến công tác khảo sát, thiết kế công trình: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150 Km297+350(T+P),

NHIỆM VỤ KHẢO SÁT

Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 – Km326+500, Quốc lộ 1 đảm bảo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

PHÒNG QUẢN LÝ, BẢO TRÌ
TRƯỞNG PHÒNG



Đặng Đình Hà

PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN



Ký bởi: KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ I
Email: cucqldb1@drvn.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM,
BỘ XÂY DỰNG

CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 767/QĐ-KQLĐBI

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn:
Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150-
Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-
Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T),
Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-
Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T),
Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-
Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P),
Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT
tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn
Km285+400 - Km326+500, Quốc lộ 1

GIÁM ĐỐC KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ I

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng được sửa đổi bổ sung bởi thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng được sửa đổi bổ sung bởi các thông tư số 09/2024/TT-BXD và số 08/2025/TT-BXD; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 01/2025/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-BXD ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc "Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu

Quản lý đường bộ I trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1349/KQLĐBI-KHTC ngày 20/8/2025 của Khu Quản lý đường bộ I về việc triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các công trình thuộc kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026;

Xét Tờ trình số 159/TTr-KQLĐBI ngày 22/8/2025 của phòng Quản lý, bảo trì trình phê duyệt nhiệm vụ, dự toán công tác khảo sát, lập hồ sơ báo cáo KT-KT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150-Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 - Km326+500, Quốc lộ 1;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát và dự toán khảo sát bước lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150-Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Xử lý mất ATGT tại Km302+820 và Km293+970; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km285+400 - Km326+500, Quốc lộ 1 với nội dung chính như sau:

1.1. Tên dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km350+500 - Km351+200(T+P), Km351+900 - Km352+600(T+P), Km355+200 - Km356+800(T+P), Km358+600 - Km359+200(T+P), Km361+300 - Km361+540(T+P), Km362+00 - Km365+390(T), Km366+210 - Km366+300(P+T), Km366+300 - Km367+300(P), Km367+400 - Km368+400(P). Xử lý điểm mất ATGT tại Km363+300. Bổ sung, sửa chữa rãnh thoát nước: Km349+350 - Km350+300(P), Km348+950 - Km349+650(T), Km359+930 - Km360+524(P), Km362+800 - Km363+010(T), Km363+387 - Km363+680(T), Quốc lộ 1.

1.2. Mục đích khảo sát:

- Điều tra thu thập các hồ sơ tài liệu phục vụ công tác thiết kế.
- Đo đạc các thông số về kích thước hình học, thông số kỹ thuật của công trình phục vụ công tác thiết kế.
- Kiểm tra, khảo sát các hư hỏng, ghi lại các hư hỏng từ đó đưa ra các giải pháp thiết kế sửa chữa các hư hỏng phù hợp.

1.3. Phạm vi khảo sát:

Khảo sát tại các đoạn: Km292+950-Km293+130(P), Km296+800-296+100(T+P), Km297+150-Km297+350(T+P), Km309+650-Km309+850(T+P), Km309+850-Km311+000(T), Km330+180-Km334+100(P), Km330+180-Km333+00(T), Km333+000-Km333+350(T+P), Km333+900-Km334+100(T), Km334+100-Km336+000(T+P), Km336+600-Km337+800(T), Km338+350-Km338+650(T), Km339+500-Km340+250(T), Km343+450-Km343+650(P), Km344+700-Km344+810(T), Km346+500-Km346+800(T), Km347+100-Km347+250(P), Km347+800-Km348+000(P), Km348+450-Km348+600 (P); Km302+820, Km293+970; Km285+400 - Km326+500, Quốc lộ 1.

1.4. Tiêu chuẩn áp dụng:

TT	Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình	Mã hiệu
I	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát:	
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31: 2020/TCĐBVN
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012
3	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
5	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-2005
6	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182:2024
7	Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
	Các tiêu chuẩn hiện hành khác	
II	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế, thi công nghiệm thu	
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-2005
2	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN11823:2017
3	Quy trình thiết kế áo đường mềm	TCCS 38:2022/TCĐBVN
4	Kết cấu BT và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
5	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572:2018

6	Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công nghiệm thu và nghiệm thu	TCVN 13567-1: 2022
7	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
8	Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
9	Tiêu chuẩn Quốc gia về Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm	TCVN 8791:2011
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
11	Tiêu chuẩn Quốc gia về Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ	TCVN 12584:2019
12	Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
	Các tiêu chuẩn hiện hành khác	

1.5. Nhiệm vụ khảo sát:

1.5.1. Thị sát tuyến, điều tra, thu thập các số liệu liên quan:

- Điều tra vị trí đổ thải, các mỏ vật liệu, trạm trộn;
- Thu thập hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý nhằm nắm được tình trạng khai thác đoạn tuyến trong những năm gần đây để đưa ra phương án khảo sát hợp lý.
- Làm việc với các Văn phòng QLDB để thu thập số liệu và các vấn đề liên quan đến công tác khảo sát.
- Công tác thị sát hiện trường và làm việc với đơn vị quản lý đường nhằm mục đích đánh giá sơ bộ tình trạng của tuyến đường từ đó xác định vị trí, chiều dài, phương án sơ bộ sửa chữa.

1.5.2. Khảo sát địa hình:

- Thủy chuẩn kỹ thuật:
 - + Lựa chọn các mốc không chế cao độ (mốc cao độ giả định) làm cơ sở cho công tác khảo sát địa hình: Các mốc được bố trí dọc theo hướng tuyến, khoảng cách giữa các mốc khoảng tối đa 500m hoặc mỗi đoạn tuyến ít nhất 02 mốc.
 - + Đo thủy chuẩn kỹ thuật toàn tuyến, khép mốc đo đi và đo về.
- Đo vẽ bình đồ:
 - + Bình đồ các đoạn tuyến: Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức. Định đỉnh, đóng cong, đo dài, rải cọc chi tiết phản ánh đúng địa hình, địa vật, tại tất cả các vị trí cầu, cống và các cọc yếu tố đường cong. Trên bình đồ có các ký hiệu và phải

tuân theo đúng quy định.

- Đo vẽ trắc dọc tỷ lệ 1/1000, 1/100; phạm vi đo trùng với đo bình đồ.
- Đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200.

1.5.3. Khảo sát hệ thống thoát nước và đường ngang:

- Khảo sát hệ thống thoát nước: Khảo sát chi tiết hiện trạng hệ thống thoát nước, tình trạng thoát nước của khu vực.
- Khảo sát đường ngang: Xác định chi tiết lý trình, vị trí, bề rộng và kết cấu của đường ngang để thiết kế hoàn trả.

1.5.4. Khảo sát hiện trạng nền, mặt đường, lề đường, mái taluy:

- Khảo sát, đo vẽ các hư hỏng của mặt đường, phân loại các hư hỏng (rạn nứt, hằn lún ...). Lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện các vị trí hư hỏng.
- Khoan, đào hố kiểm tra chiều dày các lớp kết cấu.

1.5.5. Khảo sát hệ thống an toàn giao thông:

- Khảo sát chi tiết và đánh giá hệ thống ATGT như: Tôn sóng, biển báo, vạch sơn kẻ đường... trên đoạn tuyến, lập bình đồ duỗi thẳng.

1.5.6. Các tài liệu khảo sát giao nội:

- Các tài liệu thu thập và điều tra khảo sát, file mềm trên đĩa CD/USB (bao gồm file được truy cập bằng công nghệ tin học và các tài liệu, bản vẽ... trên giấy được quét bằng máy scan thành những file PDF để lưu trữ).

- Hồ sơ khảo sát được in ấn rõ ràng, dễ đọc, không tẩy xóa và được đóng thành từng tập có danh mục, đánh số, ký hiệu để dễ tra cứu và lưu trữ, bìa ngoài bọc giấy bóng kính, bìa trong màu vàng và được cơ cấu như sau:

+ Thuyết minh báo cáo kết quả khảo sát, kết quả thí nghiệm và các văn bản làm việc với các cơ quan hữu quan liên quan đến công trình (nếu có).

+ Kết quả khảo sát đăng ký đường cũ.

+ Kết quả điều tra kết cấu nền, mặt đường cũ.

+ Kết quả khảo sát tình trạng thoát nước, hệ thống ATGT và đường ngang.

+ Kết quả khảo sát, điều tra mỏ vật liệu xây dựng và bãi thải.

+ Kết quả thu thập hồ sơ thiết kế (hoặc hoàn công) cũ.

+ Kết quả khảo sát địa hình.

+ Ảnh, video hiện trạng hư hỏng của cầu, mặt cầu, đường đầu cầu, hệ thống công trình trên tuyến và hệ thống ATGT, hệ thống thoát nước,... (ảnh, video phải có lý trình, vị trí và thể hiện rõ nét hư hỏng; có ảnh tổng quát và chi tiết).

Lưu ý: Hồ sơ khảo sát có thể đóng thành nhiều tập theo thứ tự trên hoặc đóng thành 01 tập, giữa các hạng mục trên có bìa ngăn cách.

1.5.7. Số lượng hồ sơ giao nội: 07 bộ.

1.6. Nhiệm vụ thiết kế:

- Thực hiện lập Báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật theo các quy định của pháp luật về xây dựng và phù hợp với mục đích, chủ trương đầu tư.

1.7. Thời gian hoàn thành công tác khảo sát, lập Báo cáo KTKT: 25 ngày.

Điều 2. Duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo KT-KT và một số chi phí tư vấn khác như sau:

a. Chi phí khảo sát, lập Báo cáo KT-KT: 1.143.790.000 đồng

- Chi phí khảo sát sau thuế: 486.867.000 đồng

- Chi phí lập Báo cáo KT-KT sau thuế: 632.580.000 đồng

- Chi phí dự phòng khảo sát (5%): 24.343.000 đồng

b. Chi phí tư vấn khác: 9.255.000 đồng

- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu khảo sát, lập Báo cáo KT-KT 9.255.000 đồng

(Chi tiết theo dự toán đính kèm)

* Dự toán được phê duyệt trên cơ sở:

a. Chi phí khảo sát:

- Lập theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Định mức: Theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng; Thông tư 09/2024 ngày 30/8/2024 và Thông tư 08/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi Thông tư 12/2021/TT-BXD.

- Đơn giá:

+ Giá nhân công: Theo Quyết định số 391/QĐ-SXD ngày 14/5/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Giá vật liệu: Theo Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa Quý II năm 2025 tại Văn bản số 6084/SXD-KTVL ngày 24/7/2025 của Sở xây dựng tỉnh Thanh Hoá.

- Khối lượng: Theo nhiệm vụ khảo sát, thiết kế được duyệt tại Điều 1.

b. Chi phí lập Báo cáo KT-KT: Được xác định trên cơ sở chi phí xây dựng bằng 80% Kinh phí dự kiến thực hiện trong chủ trương đầu tư đã được Cục ĐBVN phê duyệt tại Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 nhân với định mức tỷ lệ % chi phí lập Báo cáo KT-KT quy định tại Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/05/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

c. Chi phí dự phòng cho công tác khảo sát: Tính 5% theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

d. Thuế GTGT 8% theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025.

Điều 3. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

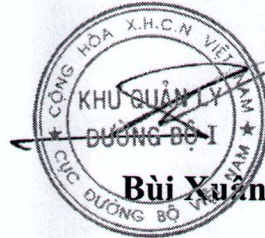
- Căn cứ Quyết định phê duyệt đề hoàn chỉnh đề cương nhiệm vụ khảo sát.
- Khối lượng, phạm vi khảo sát là dự kiến. Sau khi lựa chọn đơn vị tư vấn Chủ đầu tư chỉ đạo Nhà thầu tư vấn căn cứ vào điều kiện thực tế hiện trường lập Phương án kỹ thuật khảo sát theo đúng quy định và đảm bảo đủ thông số để phục vụ công tác lập Báo cáo KT-KT.
- Trên cơ sở khối lượng và giá trị được phê duyệt, tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo KT-KT theo các nội dung đã phê duyệt đảm bảo đúng quy định và tiến độ của công trình.

Điều 5. Trưởng các phòng nghiệp vụ của Khu Quản lý đường bộ I và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Giám đốc (đề b/c);
- Lưu VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Xuân Trường

Phụ lục Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

(Kèm theo Quyết định số: 767/QĐ-KQLĐBI ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Khu QLDB I)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá trị gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu; Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Khu Quản lý đường bộ I	Gói thầu số 1: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật	Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	1.143.790.000 (bao gồm 8% thuế GTGT và 5% CP dự phòng khối lượng khảo sát)	Ngân sách Nhà nước (Ngân sách Nhà nước, Nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ)	Đấu thầu rộng rãi, lựa chọn nhà thầu trong nước, áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng; Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý III/2025 - Thời gian tổ chức LCNT: 40 ngày	Hợp đồng hỗn hợp (- Phần khảo sát: Theo đơn giá cố định. - Phần lập Báo cáo KT-KT: Trọn gói)	25 ngày
2	Khu Quản lý đường bộ I	Gói thầu số 2: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KT-KT	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KT-KT	9.255.000 (bao gồm 8% thuế GTGT)	Ngân sách Nhà nước (Ngân sách Nhà nước, Nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ)	Chỉ định thầu rút gọn	- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý III/2025 - Thời gian tổ chức LCNT: 15 ngày	Trọn gói	40 ngày

QUYẾT ĐỊNH

V/v cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục ĐBVN;

Căn cứ Văn bản số 7955/BXD-KCHT ngày 07/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận danh mục chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ như phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Nguồn vốn: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (NSNN);

- Thực hiện đầu tư: Theo kế hoạch vốn được giao.

- Trong bước lập dự án, báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật, yêu cầu các Khu Quản lý đường bộ:

+ Tiếp tục rà soát, chuẩn xác phạm vi, khối lượng sửa chữa, quy mô, giải pháp, kinh phí sửa chữa phù hợp với kết quả khảo sát và điều kiện thực tế, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; không trùng lặp về khối lượng, thời hạn sửa chữa theo quy định; lưu ý rà soát phương án sửa chữa các nhà hạt, đảm bảo sử dụng đúng mục đích phục vụ công tác quản lý, bảo trì của Cơ quan quản lý đường bộ; tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian chuẩn bị đầu tư.

+ Hoàn thành công tác phê duyệt và trình Cục Đường bộ Việt Nam Kế hoạch bảo trì năm 2026 trước ngày 31/10/2025; triển khai các bước tiếp theo tuân thủ quy định hiện hành.

- Đối với những danh mục chưa chấp thuận chuẩn bị đầu tư năm 2026, yêu cầu các Khu Quản lý đường bộ tiếp tục theo dõi, tăng cường bảo dưỡng thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chuẩn bị đầu tư bổ sung trong trường hợp cần thiết (hoặc sửa chữa đột xuất theo thẩm quyền), đáp ứng yêu cầu an toàn giao thông, an toàn công trình.

- Trong trường hợp các dự án đề xuất trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (trên QL.1 và đường Hồ Chí Minh) được triển khai sớm trong giai đoạn 2026-2027, yêu cầu các Khu QLDB chủ động rà soát, báo cáo điều chỉnh quy mô, giải pháp sửa chữa đảm bảo giao thông cho phù hợp, tránh lãnh phí.

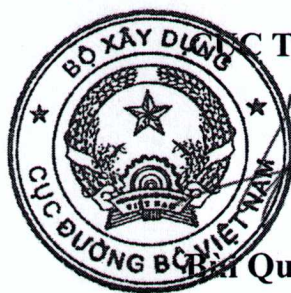
- Tăng cường quản lý, vận hành, khai thác hệ thống quan trắc cầu dây văng, cầu có kết cấu đặc biệt, hầm đường bộ, công tác đánh giá an toàn công trình theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Nghiên cứu thực hiện các nội dung còn lại theo chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 7955/BXD-KCHT ngày 07/8/2025 và ý kiến của Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng tại Văn bản số 25/BC-KCHT ngày 30/7/2025.

Điều 3. Giám đốc các Khu Quản lý đường bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Kho bạc NN khu vực;
- Các Phó Cục trưởng (để c/đ);
- Ban QLDA 3;
- Phòng: QLBT; QLTCGT; TĐ; QLCL; KHCN,MT&HTQT; PC-ĐT;
- Lưu: VT, KHTC_(M).



TRƯỞNG

Quang Thái